

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2025.

“V/ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Phan và ông Chu Quang Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh ngày 30/12/1997; Cư trú tại: Thôn G, xã Y, thành phố Hải Phòng. Số CCCD 03019701xxxx;

Bị đơn: Anh Phạm Duy N, sinh ngày 18/10/1996; ĐKKH: Thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng. Số CCCD 03009600xxxx. Hiện cư trú tại Thái Lan.

Người làm chứng: ông Phạm Hữu H, sinh năm 1961; Cư trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh N, ông H.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Duy N, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã

được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện và hiện nay đang sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh N. Chị và anh N có một con chung là Phạm Hữu M, sinh ngày 28/9/2015. Từ khi ly thân con chung luôn ở cùng chị. Chị đề nghị sau ly hôn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao (căn cước công dân của chị D, anh N, giấy khai sinh con chung).

Tại các bản trình bày và lời khai ông Phạm Hữu H xác nhận: anh Phạm Duy N là con trai, chị D là con dâu. Hôn nhân giữa chị D và anh N không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân. Từ khi ly thân, anh N ở cùng ông bà, tinh thần buồn chán, gia đình ông lo thủ tục cho anh N đi Thái Lan từ cuối năm 2024, anh N ở địa chỉ cụ thể nào bên Thái Lan ông không biết vì anh N không nói cho biết. Ông xác định anh N đã nhận được các văn bản tố tụng của toà án do ông gửi qua zalo gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập anh N; nhưng anh N không về tham gia tố tụng được và xin vắng mặt. Anh N nhờ ông trình bày quan điểm: anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đối với gia đình hai bên.

Tại văn bản số 3411/XNC-Đ1 ngày 28/10/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng trao đổi thông tin: anh Phạm Duy N, sinh ngày 18/10/1996; căn cước công dân số 03009600xxxx; nơi thường trú thôn M, xã Trường Tân, thành phố Hải Phòng xuất cảnh gần nhất ngày 26/8/2024 bằng hộ chiếu số P03323401 qua cửa khẩu Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại bản ý kiến trình bày của cháu Phạm Hữu M (có sự chứng kiến của chị D), cháu M có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 24/10/2025 có mặt chị D, anh N vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà vắng mặt bị đơn; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Duy N.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hữu M, sinh ngày 28/9/2015 cho chị D nuôi dưỡng đến khi cháu M thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn anh Phạm Duy N có đăng ký hộ khẩu tại xã Trường Tân, thành phố Hải Phòng nhưng đang cư trú tại Thái Lan, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 38; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

Người tham gia tố tụng: bị đơn (anh N) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Trường Tân, thành phố Hải Phòng) vào ngày 01/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D, anh N chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã

được hai bên gia đình hoà giải nhưng do anh chị không còn thiện chí tiếp tục sống cùng nhau nên đã sống ly thân nhiều năm; sau khi ly thân anh N đi lao động tại Thái Lan chị D cũng không biết, không ai quan tâm đến ai, điều đó thể hiện anh chị không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Nay chị D xin ly hôn, anh N đồng ý; Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của chị D, anh N không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: Chị D và anh N có một con chung là Phạm Hữu M, sinh ngày 28/9/2015; chị D đề nghị sau ly hôn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con; anh N đồng ý. Xét thấy sự thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh chị đã rõ ràng, đảm bảo về mọi mặt cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu M; phù hợp với quy định tại Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị D và anh N đều không yêu cầu, Hội đồng xét xử không phải giải quyết;

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (chị D) được chấp nhận, chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị D;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Duy N.
2. Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao con chung Phạm Hữu M, sinh ngày 28/9/2015 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc khi chị D, anh N có thỏa thuận, yêu cầu khác. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị D.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002793 ngày 01/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án

Anh N cư trú tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Trường Tân ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu vụ án;

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm Phán – Chủ toà phiên tòa
(Đã ký)